

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN BẮC
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 07/3/2025.

V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN BẮC - TỈNH NINH THUẬN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Phước Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Hà

2. Bà Vũ Thị Vân

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nông Duy Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc - Tỉnh Ninh Thuận.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Bắc tham gia phiên tòa:** Bà Lương Thị Huệ – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 84/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tala Thị T, sinh năm 1999. (Có mặt)

Nơi cư trú: thôn K, xã L, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Lâm Thế N - Trợ giúp viên pháp lý-Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh N. (Có mặt).

Bị đơn: Anh Chamaléa H, sinh năm 1995. (Có mặt)

Nơi cư trú: thôn K, xã L, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: bà Đỗ Thị H1 - Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh N (xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/10/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Tala Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Tala Thị T và anh Chamaléa H tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, sống chung như vợ chồng từ năm 2016. Cả hai có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T vào ngày 07/3/2018. Thời gian đầu chung sống có hạnh

phúc nhưng khoảng 05 năm trở lại đây thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Theo chị T nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, mỗi người đều có cái tôi cao nên thường không tìm thấy tiếng nói chung. Cả hai đã nhiều lần ngồi nói chuyện để tìm ra nguyên nhân, hướng giải quyết, tiếng nói chung nhưng không thành. Quá trình chung sống vợ chồng cũng không còn quan tâm hỏi han nhau nữa, mạnh ai người nấy sống, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, quan điểm làm ăn khác nhau không thể hoà hợp, có nhiều lần anh H còn chửi mắng, đánh đập chị T. Vì vậy, chị Tala Thị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh Chamaléa H.

- Về con chung: Chị T và anh H có 02 người con chung là Tala Thị Yến N1, sinh ngày 20/10/2016 và Tala Thị Yến Đ, sinh ngày 24/10/2018, hiện đang ở với chị T. Khi ly hôn chị T có yêu cầu nuôi dưỡng 02 con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Chamaléa H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và con chung: Anh Chamaléa H thừa nhận về quan hệ hôn nhân và con chung giữa anh và chị T như chị T trình bày là đúng sự thật. Quá trình chung sống, vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không đến mức trầm trọng. Trước yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị T thì anh H không đồng ý. Lý do: Hai vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không đáng kể, anh H còn yêu thương chị T, chỉ vì nghe lời bạn bè xấu mà chị T không nghĩ đến tình cảm vợ chồng, mong Tòa án hòa giải để đoàn tụ với nhau.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con chung: Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh H đồng ý giao 02 con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại Biên bản xác minh ngày 23/12/2024 do Tòa án thực hiện thì chính quyền địa phương nơi các đương sự cư trú xác nhận chị T và anh H có đăng ký hôn tại UBND xã L năm 2018, vợ chồng chị T có 02 người con chung. Anh H thường xuyên đánh vợ, hay ghen tuông vô cớ. Vợ đã tha thứ nhiều lần nhưng lại chứng nào tật nấy, hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Hiện vợ chồng chị T và anh H không còn sống chung với nhau nữa.

Quan điểm của Viện kiểm sát thể hiện: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký luôn tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và người tham gia tố tụng dân sự là nguyên đơn, bị đơn luôn chấp hành pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án, Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn và con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Do nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về án phí: Đề nghị HĐXX xem xét miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Tala Thị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn và giải quyết con chung khi ly hôn với anh Chamaléa H. Chị T yêu cầu nhận nuôi con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T và anh H không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Bị đơn - anh H có nơi cư trú trên địa bàn huyện T. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), HĐXX xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Tala Thị T và anh Chamaléa H tự nguyện tìm hiểu, tiến tới hôn nhân, sống chung như vợ chồng từ năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Ninh Thuận theo Trích lục kết hôn số 121/TLKH-BS ngày 07/3/2018, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo Biên bản lấy lời khai của các đương sự; Biên bản hòa giải ngày 07/11/2024, Biên bản xác minh ngày 23/12/2024 do Tòa án thực hiện có nội dung chính quyền địa phương xác nhận vợ chồng chị T - anh H hiện có mâu thuẫn là có thật. Trong cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh H có xảy ra mâu thuẫn vì có bất đồng quan điểm sống do anh H không tin tưởng chị T, hay có lời lẽ xúc phạm chị T, không quan tâm chăm sóc chị T và các con, nhiều lần đánh chị T, anh H hứa sửa nhiều lần nhưng không có thay đổi. Chị T cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H. Anh H thừa nhận có những mâu thuẫn của vợ chồng, có đánh chị T như chị T trình bày nhưng anh cho rằng vợ chồng có thể trở về chung sống đoàn tụ. Mặc khác, anh H thừa nhận trong quá trình sống ly thân anh H và chị T không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Anh H không đồng ý ly hôn nhưng chị T vẫn kiên quyết ly hôn.

Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng của chị T anh H là nghiêm trọng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, phần lớn lỗi thuộc về anh H. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn anh H.

[3] Về con chung: Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Tala Thị Yến N1, sinh ngày 20/10/2016 và Tala Thị Yến Đ, sinh ngày 24/10/2018, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Mặc khác, chị T hiện đang nuôi dưỡng 02 con, cháu Tala Thị Yến N1 cũng có nguyện vọng được ở với chị T, chị T hiện có chỗ ở ổn định, có việc làm và thu nhập ổn định khoảng 7.000.000đ/tháng, anh H cũng đồng ý việc giao các con cho chị T nuôi dưỡng.

Vì vậy, căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị T về việc giao hai con chung cho chị T nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 điều 147 của BLTTDS, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch. Tuy nhiên, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định án phí và lệ phí Tòa án thì chị T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Đề nghị HĐXX trên cơ sở lời khai của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập tại hồ sơ vụ án, lời khai các đương sự tại phiên tòa, có đủ cơ sở để xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn và nuôi con chung, đề nghị xem xét miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận.

[7] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn xin vắng mặt và gửi Bản bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đến HĐXX với nội dung: Đề nghị HĐXX trên cơ sở lời khai của bị đơn và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập tại hồ sơ vụ án, xác định vợ chồng chị T - anh H có mâu thuẫn nhưng chưa nghiêm trọng, chị T cho rằng anh H bỏ nhà đi, anh H không quan tâm, chăm sóc vợ con, nhiều lần đánh chị T là không chính xác. Mặc dù, vợ chồng có mâu thuẫn nhưng trong thâm tâm anh H vẫn còn yêu thương vợ con nên không đồng ý việc chị T ly hôn. Mong HĐXX hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng anh H, để các con có đủ cha và mẹ, không làm ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường về tâm sinh lý của các con.

Qua kết quả xác minh, thẩm vấn công khai tại phiên tòa, anh H thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, anh có đánh chị T 02 lần, hiện vợ chồng không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau nữa. Xác định hiện nay vợ chồng anh H có mâu thuẫn nghiêm trọng. Mặc dù, anh H xin HĐXX hòa giải đoàn tụ, HĐXX đã tiến hành hòa giải nhưng chị T vẫn kiên quyết xin ly hôn. Như vậy, ý kiến của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn không được HĐXX chấp nhận.

[8] Về quan điểm của Viện kiểm sát: Xét quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử về quan hệ hôn nhân, về con chung nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Tala Thị T đối với bị đơn anh Chamaléa H.

1. Về hôn nhân: Chị Tala Thị T được ly hôn anh Chamaléa H.

2. Về con chung: Giao cho chị Tala Thị T có quyền và nghĩa vụ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên: Tala Thị Yến N1, sinh ngày 20/10/2016 và Tala Thị Yến Đ, sinh ngày 24/10/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, lao động tự túc được. Anh Chamaléa H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Tala Thị T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tala Thị T và anh Chamaléa H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4. Về án phí: Chị Tala Thị T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, công khai, nguyên đơn, bị đơn đều có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thuận Bắc;
 - VKSND tỉnh Ninh Thuận;
 - TAND tỉnh Ninh Thuận;
 - UBND xã Lợi Hải
- (Trích lục kết hôn
ngày 07/3/2018);
- Các đương sự;
 - Lưu (hồ sơ, án văn).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Phước Trí